TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày 08 -7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2019, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Mỹ P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 110 KV1, k, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 97 X, K, P, thành phố M, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 05/4/2019) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T), sinh năm 1980 (vắng mặt).

Bà Lê Thúy Hằng E (Lê Thị H), sinh năm 1985 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2019 cùng các văn bản khác kèm theo, bà Nguyễn Mỹ P trình bày: Do có mối quan hệ làm ăn mua bán với nhau, nên vào ngày 01/9/2016 bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T) và bà Lê Thúy Hằng E (Lê Thị H) vay số tiền 2,6 tỷ đồng, lãi suất 1,5% trên tháng. Tiếp đến ngày 01/11/2016 cho vay thêm 04 tỷ đồng với lãi suất là 1,2% trên tháng. Ngoài ra, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T) và bà Lê Thúy Hằng E (Lê Thị H) còn nợ bà số

tiền mua vàng là 400.000.000 đồng. Ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E đã trả cho bà được 1.050.000.000 đồng tiền lãi, từ tháng 01/2017 không nộp lãi và cũng không trả vốn. Ngày 12/4/2017 giữa bà và vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E có tổng hợp nợ các khoảng mà vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E còn nợ là 07 tỷ đồng. Sau khi đối trừ các khoảng tiền mà vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E đã trả cho bà thì vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E còn nợ lại bà số tiền là 6.355.700.000 đồng. Do vợ chồng chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên nay bà yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T) và bà Lê Thúy Hằng E (Lê Thị H) trả lại cho bà tổng số tiền còn nợ là 6.355.700.000 đồng, bà không yêu cầu lãi suất.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/5/2019 và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thúy Hằng E (Lê Thị H) trình bày: Bà và bà Nguyên Mỹ P có thực hiện hợp đồng mua bán vàng cũng như việc vay tiền đúng như bà Nguyễn Mỹ P đã khai, cụ thể là vào ngày 01/9/2016 bà Nguyễn Mỹ P cho bà vay số tiền 2,6 tỷ đồng, lãi suất 1,5% trên tháng. Tiếp đến ngày 01/11/2016 cho vay thêm 04 tỷ đồng với lãi suất là 1,2% trên tháng và bà có nợ tiền mua vàng của bà Nguyễn Mỹ P với số tiền là 400.000.000 đồng. Bà đã trả lãi cho bà Nguyễn Mỹ P số tiền là 1.050.000.000 đồng. Các lần giao dịch với bà Nguyễn Mỹ P là do một mình bà thực hiện, chồng bà là ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T) không cùng thực hiện các giao dịch trên nhưng khi chốt nợ vào ngày 12/4/2017 thì bà Nguyễn Mỹ P yêu cầu chồng bà cùng ký xác nhận, nên biên nhận nợ có chữ ký của bà và ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T). Bà xác định họ tên đúng của bà là Lê Thúy Hằng E và chồng bà là ông Nguyễn Ngọc T nhưng do muốn nhanh gọn nên bà đã ký tên với tên là Lê Thị H và chồng bà là Nguyễn Văn T trong biên nhận nợ bà Nguyễn Mỹ P cung cấp cho Tòa án. Do bà còn nợ bà Nguyễn Mỹ P số tiền vốn là 6.355.700.000 đồng, nay bà chấp nhận bà cùng ông Nguyễn Ngọc T trả cho bà Nguyễn Mỹ P số tiền còn nợ như đã nêu trên, nhưng do không có khả năng trả nợ nên bà yêu cầu được trả trong thời gian dài.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T) được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Mỹ P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Mỹ P khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E yêu cầu trả tiền mua bán và tiền vốn vay còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Đồng thời, ông Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc T là có căn cứ.

[2] Xét về nội dung, do có mối quan hệ làm ăn mua bán với nhau, nên vào ngày 01/9/2016 bà Nguyễn Mỹ P có cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T) và bà Lê Thúy Hằng E (Lê Thị H) vay số tiền 2,6 tỷ đồng, lãi suất 1,5% trên tháng. Tiếp đến ngày 01/11/2016 cho vay thêm 04 tỷ đồng với lãi suất là 1,2% trên tháng. Ngoài ra, vợ

chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E còn nợ bà Nguyễn Mỹ P số tiền mua vàng là 400.000.000 đồng. Tổng cộng các khoảng nợ là 7 tỷ đồng. Số nợ này được vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E thừa nhận thông qua lời khai của bà Lê Thúy Hằng E và giấy nhận nợ mà vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E xác lập cho bà Nguyễn Mỹ P.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E đã nộp được số tiền lãi bằng 1.050.000.000 đồng. Giữa bà Nguyễn Mỹ P và bà Lê Thúy Hằng E đã thực hiện việc đối chiếu để trừ đi các khoảng thanh toán thì vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E còn nợ bà Nguyễn Mỹ P số tiền là 6.355.700.000 đồng, đây là số nợ mà bà Nguyễn Mỹ P yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E trả cho bà, riêng về phần lãi suất thì bà Nguyễn Mỹ P không yêu cầu.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/5/2019, bà Lê Thúy Hằng E thừa nhận toàn bộ lời trình bày của bà Nguyễn Mỹ P là đúng. Giữa bà Nguyễn Mỹ P và bà Lê Thúy Hằng E thỏa thuận với nhau là vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E trả cho bà Nguyễn Mỹ P số tiền còn nợ là 6.355.700.000 đồng. Việc thỏa thuận giữa bà Nguyễn Mỹ P và bà Lê Thúy Hằng E đã được thông báo cho ông Nguyễn Ngọc T (thông qua bà Lê Thúy Hằng E và niêm yết công khai) nhưng ông Nguyễn Ngọc T không có ý kiến đối với thỏa thuận trên, nên không thể công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự theo quy định tại điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua lời thừa nhận của các bên và chứng cứ kèm theo đã cho thấy ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E đã thừa nhận có giao dịch vay tiền và mua bán vàng và nợ bà Nguyễn Mỹ P số tiền 7 tỷ đồng. Sau khi đối trừ các khoảng đã thanh toán thì vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E còn nợ bà Nguyễn Mỹ P số tiền 6.355.700.000 đồng và bà Nguyễn Mỹ P không yêu cầu trả lãi. Đây là nợ chung của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E, nên căn cứ vào các điều 440; 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Mỹ P buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E trả lại cho bà Nguyễn Mỹ P số tiền còn nợ 6.355.700.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thúy Hằng E phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Mỹ P được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 430; 440; 463; 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Mỹ P. Buộc ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T) và bà Lê Thúy Hằng E (Lê Thị H) trả cho bà Nguyễn Mỹ P số

tiền còn nợ là 6.355.700.000 đồng (Sáu tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T) và bà Lê Thúy Hằng E (Lê Thị H) phải chịu 114.355.700 đồng. Bà Nguyễn Mỹ P được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 57.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019108 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Mỹ P và bà Lê Thúy Hằng E (Lê Thị H) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương